TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/3/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST – HNGĐ ngày 12/02/2020 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 27/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1982.
Địa chỉ: tổ B, ấp C, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979.
Địa chỉ: tổ B, ấp 1, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị L, anh P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu P kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 tới nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 cháu tên Nguyễn Đức Trọng D, sinh ngày 03/6/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/8/2004; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/10/2015; Ly hôn, chị xin nuôi cháu D, H và N, yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Nếu Tòa án giao cháu N cho anh P nuôi thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị L kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị sống với nhau hạnh phúc. Mấy năm sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 tới nay. Nay, chị L có đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 03 cháu tên Nguyễn Đức Trọng D, sinh ngày 03/6/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/8/2004; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/10/2015. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu Duy, Huy cho chị L nuôi dưỡng vì 02 cháu này đều muốn theo mẹ, anh xin nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cả 03 cháu cho chị L nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Hiện anh đang làm thợ mộc cho tư nhân, mức công là 350.000đ/ngày. Do làm cho tư nhân nên không có hợp đồng, không có thang bảng lương.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ L vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh P được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy chị L, anh P đều thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu D, H cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu N cho anh P nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự vợ chồng thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Hữu P hiện cư trú tại xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: chị Trần Thị L khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn và con chung".

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Hữu P tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị L xin được ly hôn.

Anh Nguyễn Hữu P cũng xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh ghen tuông nên vợ chồng thi thoảng cãi nhau, đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 tới nay.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Nhưng tại phiên tòa, anh P lại xác định mâu thuẫn cũng trầm trọng nhưng nếu Tòa án không giao cháu Nam cho anh nuôi dưỡng, không giải quyết vấn đề tài sản chung thì anh không đồng ý ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Hữu P là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Điều này đều được các bên thừa nhận và thực tế chị L, anh P đã sống ly thân từ tháng 10/2019 tới nay. Anh P chỉ đồng ý ly hôn khi đáp ứng theo yêu cầu của anh đối với vấn đề con chung và tài sản chung là L do không thể chấp nhận được. Vì vậy, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị L, cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 03 cháu tên Nguyễn Đức Trọng D, sinh ngày 03/6/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/8/2004; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/10/2015.

Chị L và anh P đều thống nhất giao cả 02 cháu D, H cho chị L nuôi dưỡng, nhưng cả hai anh chị đều xin nuôi cháu Bảo N.

Xét thấy hiện cháu N vẫn còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, từ khi vợ chồng sống ly thân tới nay cháu N vẫn sống với chị L. Vì vậy, để ổn định môi trường sống và ổn định tâm lý của trẻ, tiếp tục giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa, chị L xác định cháu D, H đã nghỉ học và hiện nay cũng đang xin đi làm, nên nếu giao cháu N cho chị

nuôi dưỡng thì chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nữa. Vì vậy, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, anh P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là 01 mảnh đất ở Hắc Dịch và 01 căn nhà xây trên đất của bố mẹ anh.

Theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã giải thích cho chị L, anh P biết về quy định của pháp luật liên quan đến yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung. Chị L và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa anh P mới có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung nên không xem xét giải quyết. Anh P, chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: chị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 200, 203, 220, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2002; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

Về con chung: có 03 cháu tên Nguyễn Đức Trọng D, sinh ngày 03/6/2002; Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/8/2004; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/10/2015.

Giao cháu D, H, N cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0003055 ngày 04/02/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung